Sign In

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
Số: 01/2015/TT-VKSTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng minh Kiểm sát viên;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2015/UBTVQH13 ngày 14/7/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng minh Kiểm sát viên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng trang phục của các chức danh tư pháp, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (viết tắt là công chức, viên chức); quản lý, sử dụng, mẫu Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Trang phục của các chức danh tư pháp, công chức, viên chức, người lao động khác làm việc tại Viện kiểm sát quân sự các cấp thực hiện theo quy định về trang phục đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc

Việc quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên phải đúng đối tượng, tiêu chuẩn, mục đích và thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân. Mọi vi phạm trong việc thực hiện Thông tư này phải được phát hiện, xử lý kịp thời, khách quan, đúng quy định của pháp luật và của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 3. Trang phục

1. Trang phục gồm: Trang phục thường dùng và lễ phục.

2. Trang phục thường dùng gồm: Quần, áo xuân hè; quần, áo thu đông; áo khoác chống rét; áo sơ mi dài tay; mũ kêpi; cà vạt; thắt lưng; giày da; bít tất; dép quai hậu; áo mưa; cặp đựng tài liệu; phù hiệu Viện kiểm sát nhân dân, bộ phù hiệu gắn trên ve áo, bộ cấp hiệu gắn trên vai áo, biển tên theo quy định của pháp luật.

3. Lễ phục gồm: Quần áo lễ phục mùa hè, quần áo lễ phục mùa đông, áo sơ mi dài tay lễ phục mùa đông, mũ kêpi, bộ cành tùng đơn gắn trên ve áo lễ phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển tên, cuống đeo huân chương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy chứng minh Kiểm sát viên

1. Giấy chứng minh Kiểm sát viên do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp cho: Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Kiểm sát viên các ngạch theo quy định của pháp luật.

2. Giấy chứng minh Kiểm sát viên theo quy định tại Nghị quyết số 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng minh Kiểm sát viên và Nghị quyết số 973/2015/UBTVQH13 ngày 14/7/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 như sau:

a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: Nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” màu vàng, in hoa, cỡ chữ 11; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ “Giấy chứng minh Kiểm sát viên” màu vàng, in hoa, cỡ chữ 13;

c) Mặt sau: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm, chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; có phù hiệu ngành Kiểm sát ở góc trên bên trái; có ảnh của Kiểm sát viên ở góc dưới bên trái, cỡ 23x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác; nhiệm kỳ; chữ ký của Viện trưởng và dấu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(Phụ lục số 01 kèm theo)

Điều 5. Giấy chứng nhận Điều tra viên

1. Giấy chứng nhận Điều tra viên do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp cho: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên các ngạch thuộc Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương.

2. Mẫu Giấy chứng nhận Điều tra viên như sau:

a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: Nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” màu vàng, in hoa, cỡ chữ 11; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ “Giấy chứng nhận Điều tra viên” màu vàng, in hoa, cỡ chữ 13.

c) Mặt sau: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm, chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; có phù hiệu ngành Kiểm sát ở góc trên bên trái; có ảnh của Điều tra viên ở góc dưới bên trái, cỡ 23x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác; nhiệm kỳ; chữ ký của Viện trưởng và dấu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 6. Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Giấy chứng nhận Kiểm tra viên do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp cho Kiểm tra viên các ngạch thuộc Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp theo quy định của pháp luật.

2. Mẫu Giấy chứng nhận Kiểm tra viên như sau:

a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: Nền đỏ, trên cùng là dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” màu vàng, in hoa, cỡ chữ 11; ở giữa là hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phía dưới Quốc huy là dòng chữ “Giấy chứng nhận Kiểm tra viên” màu vàng, in hoa, cỡ chữ 13;

c) Mặt sau: Nền trắng có hoa văn chìm, màu hồng; có một đường gạch chéo màu đỏ rộng 8 mm, chạy từ góc dưới bên trái lên góc trên bên phải, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh; có phù hiệu ngành Kiểm sát ở góc trên bên trái; có ảnh của Kiểm tra viên ở góc dưới bên trái, cỡ 23x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác; chữ ký của Viện trưởng và dấu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

(Phụ lục số 03 kèm theo)

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG PHỤC, GIẤY CHỨNG MINH KIỂM SÁT VIÊN, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU TRA VIÊN, GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA VIÊN

Điều 7. Cấp, đổi, thu hồi trang phục, Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Công chức, viên chức khi được tuyển dụng, tiếp nhận làm việc trong ngành Kiểm sát nhân dân được cấp trang phục theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp trang phục cho công chức, viên chức công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cấp trang phục, cho công chức, người lao động công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh cấp trang phục cho công chức, người lao động công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

2. Công chức khi được bổ nhiệm các chức danh tư pháp lần đầu được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp Giấy chứng minh Kiểm sát viên, Giấy chứng nhận Điều tra viên, Giấy chứng nhận Kiểm tra viên theo quy định.